TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/DS-ST
Ngày 30-03-2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thái.

2. Bà Đinh Thị Thu Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lành - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 77/2022/TLST-DS ngày 14/10/2022 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01A/2023/QĐXXST-DS ngày 14/02/2023 và Thông báo thay đổi lịch phiên tòa ngày 13/3/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Ngụy Phan N, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.(vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Ngụy Đình T, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn là ông Ngụy Phan N trình bày:* Do có quan hệ quen biết và là người cùng xã nên vào tháng 05 năm 2014 ông có cho ông Ngụy Đình T, sinh năm 1969, ở thôn Đ, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang vay số tiền 25.000.000 đồng, khi vay hai bên có lập biên bản vay tiền. Theo biên bản vay tiền có thỏa thuận thời hạn trả là vào ngày 25/01/2015, không thỏa thuận về lãi suất. Khi vay ông T có nói với ông mục đích vay là để cho con đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài. Biên bản vay tiền là do tự tay ông T viết, ký tên và đưa cho ông giữ. Đến thời hạn trả nợ

theo thỏa thuận, ông T không trả được tiền cho ông. Ông đã gặp ông T đòi tiền nhiều lần nhưng ông T không trả. Đến năm 2018 ông T mới trả cho ông được 5.000.000 đồng. Ngày, tháng trả tiền cụ thể ông không nhớ. Từ đó đến nay ông T chưa trả được cho ông thêm đồng nào nữa. Đến nay số tiền gốc ông T còn nợ lại ông là 20.000.000 đồng.

Nay, ông khởi kiện yêu cầu ông T phải trả cho ông số tiền còn nợ là 20.000.000 đồng tiền gốc, ông không yêu cầu ông T trả tiền lãi. Ngoài ra ông không có yêu cầu nào khác.

** Theo lời khai tại hồ sơ, bị đơn là ông Ngụy Đình T trình bày:* Ông và ông N có quen biết nhau nên khoảng tháng 5 năm 2014 (ông không nhớ ngày cụ thể) ông có vay của ông Ngụy Phan N số tiền 25.000.000 đồng. Khi vay hai bên có viết biên bản vay tiền, biên bản vay tiền này không ghi ngày tháng cụ thể. Nội dung trong biên bản vay tiền là ông có nhờ ông N vay hộ 25.000.000 đồng, hẹn đến ngày 25/01/2015 ông sẽ trả ông N số tiền trên, nếu sai hẹn thì ông sẽ để cho ông N bộ bàn ghế. Biên bản vay tiền ghi như vậy nhưng bản chất sự việc là ông vay 25.000.000 đồng của ông N đúng như ông N trình bày. Mục đích vay là để cho con ông đi xuất khẩu lao động. Biên bản vay tiền trên là do ông tự viết và tự ký ghi rõ họ tên vào chỗ "người vay viết đơn" và đưa cho ông N giữ.

Đến thời hạn theo thỏa thuận, ông N đã gặp ông đòi tiền, ông không trả được tiền cho ông N, cũng không đưa bộ bàn ghế cho ông N để trừ nợ. Đến tận năm 2018 ông có trả cho ông N số tiền 5.000.000 đồng, còn nợ lại 20.000.000 đồng.

Nay, ông N khởi kiện yêu cầu ông phải trả cho ông N số tiền 20.000.000 đồng tiền nợ gốc, không yêu cầu ông trả tiền lãi thì ông cũng nhất trí. Ông đồng ý trả cho ông N 20.000.000 đồng tiền nợ gốc, nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông xin trả dần cho ông N. Ông có kế hoạch trả dần cho ông N từ nay đến hết năm 2023 sẽ trả hết 20.000.000 đồng.

Do ông bận công việc nên ông không về tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được, ông đề nghị Tòa án cho ông được vắng mặt trong phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Ngụy Phan N và bị đơn ông Ngụy Đình T đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử công khai biên bản lấy lời khai, đơn xin vắng mặt của các đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 357, Điều 429, Điều 463, khoản 1 Điều 466 và Điều 470 Bộ luật dân sự; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Ngụy Phan N: Buộc ông Ngụy Đình T phải trả cho ông Ngụy Phan N số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng.

Về án phí: Ông Ngụy Đình T phải chịu 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại ông Ngụy Phan N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng.

- Kiến nghị, khắc phục: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau nghe khi ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Ngụy Phan N và bị đơn ông Ngụy Đình T có đơn xin xét xử vắng mặt nên hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn ông N và bị đơn ông T là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn làm đơn khởi kiện theo thủ tục tại Tòa án. Cả nguyên đơn và bị đơn đều có địa chỉ cư trú tại xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang nên Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật và thẩm quyền được qui định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] .Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Tháng 5/2014 ông Ngụy Phan N có cho ông Ngụy Đình T vay số tiền là 25.000.000 đồng. Đến năm 2018, ông T mới trả được 5.000.000 đồng, còn nợ lại 20.000.000 đồng chưa trả được cho ông N. Ngày 05/10/2022 ông N nộp đơn khởi kiện ra Tòa án. Vì vậy, tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông N thì thấy:

Tháng 5 năm 2014 ông Ngụy Phan N cho ông Ngụy Đình T vay số tiền là 250.000.000 đồng, khi vay có viết biên bản vay tiền. ông T tự viết biên bản vay tiền và ký ghi rõ họ tên đưa cho ông N giữ. Thỏa thuận thời hạn trả là ngày 25/01/2015, hai bên không thỏa thuận về lãi suất. Ông N đã đòi tiền rất nhiều lần nhưng ông T mới trả được cho ông N 5.000.000 đồng tiền nợ gốc, còn nợ lại 20.000.000 đồng. Nay ông N yêu cầu ông T trả cho ông N 20.000.000 đồng tiền nợ gốc, không yêu cầu ông T trả tiền lãi.

Phía bị đơn là ông T thừa nhận có vay của ông Ngụy Phan N số tiền 25.000.000 đồng như biên bản vay tiền mà ông T xuất trình cho Tòa án là đúng.

Ông đã trả cho ông N 5.000.000 đồng, còn nợ lại 20.000.000 đồng. Nay ông N khởi kiện yêu cầu ông trả cho ông N 20.000.000 đồng tiền gốc thì ông đồng ý trả cho ông N 20.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi ông N không yêu cầu thì ông cũng nhất trí.

Do điều kiện kinh tế khó khăn, ông T xin được trả dần ông N số tiền trên, cụ thể ông sẽ trả ông N trong năm 2023 hết số tiền nợ nhưng ông N không nhất trí, ông N yêu cầu ông T phải trả ngay một lần.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông N đối với ông T. Buộc ông T phải trả cho ông N số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng là phù hợp với Điều 466 của Bộ luật dân sự.

[5]. Về lãi suất: Ông N không yêu cầu ông T phải trả lãi suất, xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu của ông N được chấp nhận, nên ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Trả lại tiền tạm ứng án phí ông N đã đóng cho ông N.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 357, Điều 429, Điều 463, khoản 1 Điều 466 và Điều 470 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngụy Phan N: Buộc ông Ngụy Đình T phải trả cho ông Ngụy Phan N số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng chẵn).

2.Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3.Về án phí: Ông Ngụy Đình T phải chịu 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại ông Ngụy Phan N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng

theo biên lai thu số 0009716 ngày 14/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

4.Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Về Hướng dẫn thi hành án*:* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND huyện Yên Dũng;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Vp.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Anh